

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 01 – 3 – 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng**

2. Ông **Mai Quốc Bảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: A P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Thoại Q. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B - Phòng G. Địa chỉ: B, ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Quách Thoại Q ủy quyền lại cho: Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1988. Chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân. Địa chỉ: B, ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị Kim N trình bày:*

Vào ngày 16/01/2018, Ngân hàng TMCP Đ – phòng G và anh Nguyễn Minh T1 đã ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0044235701T18092 để vay số tiền gốc là 140.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 60 tháng, tiền gốc và tiền lãi được trả góp thành 60 kỳ bằng nhau, ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 16/02/2018. Anh T1 đã nhận đủ tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền 178.120.540 đồng, trong đó tiền gốc 122.674.806 đồng và tiền lãi trong hạn 55.445.734 đồng thì ngưng không thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/8/2022. Đối với khoản vay này tính đến ngày 01/3/2024 anh T1 còn nợ Ngân hàng số tiền 20.068.754 đồng (trong đó tiền gốc 17.325.194 đồng, lãi trong hạn 554.266 đồng, lãi quá hạn 2.189.294 đồng).

Ngoài ra, vào ngày 12/11/2020, Ngân hàng TMCP Đ – phòng G và anh Nguyễn Minh T1 đã ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 005241390041484301T20161 để vay số tiền gốc là 90.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 60 tháng, tiền gốc và tiền lãi được trả góp thành 60 kỳ bằng nhau, ngày trả nợ đầu tiên vào tháng 12/2020. Anh T1 đã nhận đủ tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền 42.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 22.131.147 đồng và tiền lãi trong hạn 19.868.853 đồng thì ngưng không thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/8/2022. Đối với khoản vay này tính đến ngày 01/3/2024 anh T1 còn nợ Ngân hàng số tiền 86.554.855 đồng (trong đó tiền gốc 67.868.853 đồng, lãi trong hạn 16.131.147 đồng, lãi quá hạn 2.554.855 đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu anh T1 thanh toán nợ, tuy nhiên anh T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại hợp đồng đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Minh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 01/3/2024 là 106.623.609 đồng (trong đó nợ gốc 85.194.047 đồng, lãi trong hạn 16.685.413 đồng, lãi quá hạn 4.744.149 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 02/3/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Ngoài ra Ngân hàng TMCP Đ không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Buộc anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 01/3/2024 là 106.623.609 đồng (trong đó nợ gốc 85.194.047 đồng, lãi trong hạn 16.685.413 đồng, lãi quá hạn 4.744.149 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho vay cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Về án phí: Anh T1 phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Minh T1 trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, anh T1 đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N và anh T1 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Ngân hàng TMCP Đ – phòng G và anh Nguyễn Minh T1 đã ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

[3.1] Vào ngày 16/01/2018, ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0044235701T18092 để vay số tiền gốc là 140.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 60 tháng, tiền gốc và tiền lãi được trả góp thành 60 kỳ bằng nhau, ngay trả nợ đầu tiên vào ngày 16/02/2018. Anh T1 đã nhận đủ tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền 178.120.540 đồng, trong đó tiền gốc 122.674.806 đồng và tiền lãi trong hạn 55.445.734 đồng thì ngưng không thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/8/2022. Đối với khoản vay này tính đến ngày 01/3/2024 anh T1 còn nợ Ngân hàng số tiền 20.068.754 đồng (trong đó tiền gốc 17.325.194 đồng, lãi trong hạn 554.266 đồng, lãi quá hạn 2.189.294 đồng).

[3.2] Vào ngày 12/11/2020, ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 005241390041484301T20161 để vay số tiền gốc là 90.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 60 tháng, tiền gốc và tiền lãi được trả góp thành 60 kỳ bằng

nhau, ngay trả nợ đầu tiên vào tháng 12/2020. Anh T1 đã nhận đủ tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền 42.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 22.131.147 đồng và tiền lãi trong hạn 19.868.853 đồng thì ngưng không thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/8/2022. Đối với khoản vay này tính đến ngày 01/3/2024 anh T1 còn nợ Ngân hàng số tiền 86.554.855 đồng (trong đó tiền gốc 67.868.853 đồng, lãi trong hạn 16.131.147 đồng, lãi quá hạn 2.554.855 đồng).

[3.3] Ngân hàng TMCP Đ xác định do anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu anh T1 phải thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Từ đó cho thấy, việc anh T1 có vay tiền và hiện vẫn còn nợ tiền Ngân hàng TMCP Đ là thực tế có xảy ra. Do đó, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu anh T1 trả nợ là có căn cứ. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T1 chỉ thanh toán được số tiền gốc 144.805.953 đồng, tiền lãi trong hạn 75.314.587 đồng. Từ ngày 10/8/2022 đến nay anh T1 không thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu anh T1 phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Xét yêu cầu trả tiền gốc: Căn cứ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì anh T1 vay của Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc là 230.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Đ xác định anh T1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 144.805.953 đồng và tiền lãi trong hạn 75.314.587, còn nợ lại số tiền gốc là 85.194.047 đồng. Anh T1 không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền Ngân hàng TMCP Đ xác định anh T1 đã trả nợ nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định anh T1 còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 85.194.047 đồng.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Quá trình thực hiện các hợp đồng, anh T1 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền lãi trong hạn là 75.314.587 đồng thì ngưng không thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết. Theo các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu anh T1 phải trả tiền lãi trong hạn là 16.685.413 đồng, lãi quá hạn là 4.744.149 đồng tính đến ngày 01/3/2024 theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc anh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 85.194.047 đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/3/2024 lãi trong hạn là 16.685.413 đồng, lãi quá hạn là 4.744.149 đồng, tổng cộng là 106.623.609 đồng. Đồng thời kể từ ngày 02/3/2024, anh T1 còn phải chịu khoản

tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.331.000 đồng. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với anh Nguyễn Minh T1. Buộc anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là 85.194.047 đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/3/2024 lãi trong hạn là 16.685.413 đồng, lãi quá hạn là 4.744.149 đồng, tổng cộng là 106.623.609 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày 02/3/2024 anh Nguyễn Minh T1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.331.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP Đ đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.567.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006357 ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly